

PHÂN TÍCH YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI TIÊU DÙNG XANH CỦA NGƯỜI DÂN TẠI QUẬN BẮC TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Thị Hoài Thương, Phạm Thị Hồng Phương
Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Tiêu dùng bền vững và tiêu dùng xanh là xu hướng tiêu dùng của thế giới. Nghiên cứu này bước đầu điều tra hiện trạng nhận thức và thói quen tiêu dùng xanh như sử dụng năng lượng, xử lý chất thải sinh hoạt của người dân sống tại Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng khái niệm về tiêu dùng xanh tương đối mới mẻ nhưng đã bắt đầu tiếp cận với người dân (60,8% người dân đã từng nghe về hành vi tiêu dùng xanh, trong đó 96% người dân hiểu biết về bản chất và ý nghĩa của hành vi tiêu dùng xanh). Khảo sát cũng chỉ ra những kết quả tích cực trong hành vi tiết kiệm năng lượng, và hoạt động thu gom tái chế các sản phẩm đã qua sử dụng của người dân trên địa bàn. Đánh giá sự liên quan giữa nhận thức, thói quen tiêu dùng xanh với các yếu tố như giới tính, độ tuổi, thu nhập và trình độ học vấn nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích hồi quy dựa trên mẫu khảo sát 97 người dân tại quận Bắc Từ Liêm, kết quả phân tích độ tin cậy, giá trị của các đo lường chỉ ra mô hình phù hợp với dữ liệu. Trong đó bốn yếu tố xem xét, thì yếu tố giới tính và trình độ nhận thức và thu nhập có ảnh hưởng quan trọng, giải thích cho các hành vi tiêu dùng xanh. Để nâng cao tỷ lệ người dân tiêu dùng bền vững thì không chỉ phụ thuộc vào quyết định của người dân mà còn phụ thuộc rất lớn vào các chương trình tuyên truyền giáo dục và chính sách khuyến khích hỗ trợ của các cơ quan chức năng.

Từ khóa: Hành vi tiêu dùng xanh; Tiêu dùng bền vững; Tiết kiệm năng lượng; Phân loại rác tại nguồn.

Abstract

Research on the factors effecting to green consumer behavior in Bac Tu Liem district, Ha Noi

Sustainable consumption, also known as green consumption is an ongoing trend of consumption in the world. This research initially surveyed the status of green consumption behavior in the sector of energy using and waste treatment of people living in the Northern part of Tu Liem district, Hanoi. The results showed that concept of green consumption is relatively new but has begun to become familiar to some segments of the population (60.8% of people have heard of green consumption behavior, 96% of people understood the nature and meaning of green consumption behavior). The survey also showed positive results in energy saving, and the recycling of used products of local people. Assessing the relationship between local perception and habit of green consumption with factors such as gender, age, income and education level in order to propose appropriate solutions, the regression analysis based on a sample of 97 residents was used. The results of reliability analysis indicated the model in accordance with the data. Of these four factors considered, the gender, education level and income have significant implications, explaining for green consumption behavior. Furthermore, increasing the proportion of sustainable consumers does not only depend on the people's decisions, but also on the propaganda programs; the encouraging and supporting policies of the authorities.

Keywords: Green consumption behavior; Sustainable consumption; Energy saving; Waste classification at the source.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Tiêu dùng xanh (TDX) là xu hướng tiêu dùng của thế giới, là một trong những giải pháp đem lại sự cân bằng cho xã hội và môi trường thông qua những hành vi có trách nhiệm của mỗi cá nhân [1]. Khi người dân quan tâm đến môi trường, họ sẽ coi trọng hơn việc sử dụng các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Từ những năm 1960 TDX đã trở thành chủ đề nghiên cứu và mối quan tâm của các nước phát triển [9] Trong những năm gần đây, mức sống của người dân Việt Nam ngày càng được cải thiện cùng với sự phát triển của xã hội, nhu cầu tiêu dùng của người dân cũng ngày càng tăng cao. Quá trình này gây ra những ảnh hưởng to lớn đến môi trường, gây ô nhiễm nặng nề nguồn đất, nguồn nước và cả nguồn không khí [11]. Với những thách thức về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/03/2014 về kế hoạch hành động quốc gia để tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020 nhằm bảo vệ môi trường và nâng cao đời sống cho người dân thông qua việc tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó có 2 nhiệm vụ liên quan đến TDX là xanh hóa sản xuất và xanh hóa tiêu dùng [7, 8, 10]

Thành phố Hà Nội với vai trò là trung tâm kinh tế, chính trị của cả nước, đang hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố sinh thái theo hướng phát triển bền vững [10]. Thói quen tiêu dùng hàng ngày của mỗi cá nhân trong việc lựa chọn sản phẩm dù là một hành động nhỏ nhưng có đóng góp to lớn vào sự phát triển bền vững của thành phố [4, 5]. Những hành động mua sắm, tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm sẽ góp phần

vào việc bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm đáng kể lượng rác sinh hoạt [3, 6]. Quận Bắc Từ Liêm nằm dọc phía bờ nam của sông Hồng, là khu vực mới phát triển của thành phố với một số trường đại học và các cơ sở đào tạo lớn tập trung, nhiều khu vui chơi giải trí mới được thành lập. Khu vực này tập trung nhiều tầng lớp dân cư với những nền văn hóa khác nhau, có mức sống tương đối cao so với mặt bằng chung của thành phố [12]. Trên cơ sở đó, nghiên cứu “Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hướng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội” được đề xuất nhằm đánh giá tổng quan về nhận thức và hành vi tiêu dùng bền vững của người dân Quận Bắc Từ Liêm và trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp để nâng cao nhận thức và vận động người dân thực hiện tiêu dùng bền vững.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Nhận thức và hành động trong tiêu dùng xanh trên 3 lĩnh vực: bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của người dân tại khu vực quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

- Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 5/2015 đến 5/2016.

- Phạm vi nghiên cứu: 5 phường của Quận Bắc Từ Liêm (Cổ Nhuế 1, Minh Khai, Phú Diễn, Phúc Diễn và Xuân Đình), đây là những phường đang phát triển, tập trung nhiều trường đại học, khu giải trí, lượng mật độ dân cư tương đối đông đúc có nguồn gốc ngoại tỉnh với lối sống và văn hóa khác nhau.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết về các thang đo về mức độ hoạt động cũng như mức tiết kiệm của người dân đối với tiêu dùng xanh (đã được chỉnh sửa nội dung sau khi điều tra thử nhằm đảm bảo tính phù hợp về mặt nội dung và đối tượng phỏng vấn). Phương pháp phân tích dữ liệu chính được sử dụng cho nghiên cứu này là phân tích trên mô hình cấu trúc tuyến tính. Để đạt được ước lượng tin cậy của phương pháp, mẫu thường có kích thước đủ lớn, đối với hồi quy dữ liệu dạng chéo quy

mô mẫu xác định là $n \geq 50 + 8k$ với k là số biến độc lập của mô hình [2]. Đối với nghiên cứu này mô hình hồi quy sử dụng 4 biến độc lập. Như vậy quy mô mẫu là $n \geq 50 + 8 \times 4 = 82$. Trong nghiên cứu này tác giả đã phỏng vấn 120 người, thu lại được 97 mẫu phiếu hợp lệ, các chỉ số nhân khẩu học cân đối về các thuộc tính đảm bảo khả năng đại diện thông tin cho tổng thể. Mẫu được chọn bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Trên bộ công cụ thu thập thông tin có thông tin cá nhân, địa chỉ số, điện thoại của người trả lời để có thể kiểm tra lại nội dung thông tin trên các bản câu hỏi thu về.

Bảng 1. Đặc điểm cơ bản của mẫu điều tra (n=97)

Giới tính	Nam	34%	Học vấn	Phổ thông	12,4%
	Nữ	66%		Trung cấp	41,2 %
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	3,1%		Đại học	39,2%
	18 tuổi - 35 tuổi	48,5%		Trên đại học	7,2%
	35 tuổi - 55 tuổi	36,1%	Dưới 4 triệu	15,5%	
	Trên 55 tuổi	12,4%	4 triệu - 8 triệu	45,4%	
Trên 15 triệu			Thu nhập 6,2%	8 triệu - 15 triệu	33,0%

2.2.2. Chỉ tiêu đo lường hành vi tiêu dùng

Các chỉ tiêu đo lường hành vi tiêu dùng của người dân hướng đến tăng trưởng xanh dùng cho nghiên cứu trên khu vực quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội bao gồm một nhóm chỉ tiêu về nhận thức chung về môi trường và hai nhóm chỉ tiêu về sử dụng năng lượng, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Bảng 2. Các chỉ tiêu đo lường hành vi tiêu dùng của hộ gia đình

TT	Hành vi tiêu dùng	Chỉ tiêu đo lường
1	Nhận thức về bảo vệ môi trường	Mức độ đồng ý với những quan điểm về môi trường và cách thức bảo vệ môi trường Mức độ hiểu biết của người dân đối với hành vi tiêu dùng xanh
2	Năng lượng	Nguồn năng lượng sử dụng trong sinh hoạt Lý do sử dụng năng lượng tái tạo Hành vi, ý thức tiết kiệm của người dân trong sinh hoạt hằng ngày Cảm nhận mức độ quan trọng của các giải pháp trong việc khuyến khích người dân sử dụng tiết kiệm năng lượng
3	Chất thải rắn sinh hoạt	Tham gia phân loại rác trong gia đình Lý do “có” hoặc “không” phân loại rác trong gia đình Mức độ thường xuyên của hành vi tái sử dụng các sản phẩm, vận dụng có thể tái chế

Nghiên cứu

2.2.3. Thang đo

Thang đo Likert được sử dụng với mức điểm tăng dần đối với từng hành động tiêu dùng Cụ thể 1: không bao giờ, 2: không biết, 3: thỉnh thoảng, 4: thường xuyên

Có 10 hoạt động cho mỗi phần sử dụng tiết kiệm năng lượng và tái chế, tái sử dụng sản phẩm đã qua sử dụng. Hành vi tiết kiệm năng lượng của người dân tại Quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội được chia theo các mức đánh giá: 10 - 17 = kém; 18 - 25 = Trung bình; 26 - 33 = Khá; 34 - 40 = tốt

2.2.4. Phương pháp thống kê và xử lý số liệu

Sử dụng mô hình hồi quy đa biến logistic để phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng. Nghiên cứu giả định mức độ nhận biết của người dân về hành vi tiêu dùng là biến phụ thuộc và được giải thích bởi các

biến độc lập như độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, thu nhập. Mỗi quan hệ này được biểu diễn dưới dạng hàm số sau:

$$Y = C + \beta_1 X_1 + \beta_2 X_2 + \beta_3 X_3 + \beta_4 X_4$$

Trong đó:

X_1 : Độ tuổi của đối tượng được phỏng vấn (1 = Từ 0- dưới 18 tuổi; 2 = Từ 18- dưới 35 tuổi; 3 = Từ 35- dưới 55 tuổi; 4 = Từ 55 tuổi trở lên)

X_2 : Giới tính của đối tượng được phỏng vấn (1 = Nam; 2 = Nữ)

X_3 : Trình độ học vấn (1 = Phổ thông; 2 = Trung cấp/Cao đẳng; 3 = Đại học; 4 = Sau đại học)

X_4 : Thu nhập hàng tháng của đối tượng phỏng vấn (1 = Dưới 4 triệu; 2 = Từ 4 - dưới 8 triệu; 3 = Từ 8 - dưới 15 triệu; 4 = Trên 15 triệu)

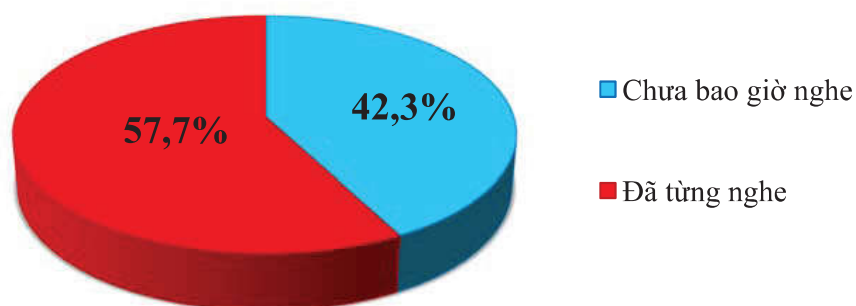
C: Hệ số chặn của mô hình hồi quy

$\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$: Các hệ số tương ứng của các biến

3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

3.1 Hiểu biết và nhận thức về hành vi tiêu dùng xanh

- *Mức độ hiểu biết của người dân về hành vi tiêu dùng xanh*



Hình 1: Tỷ lệ phần trăm người dân biết về hành vi tiêu dùng xanh

Theo kết quả nghiên cứu, số người được phỏng vấn lựa chọn đáp án “đã từng nghe” về hành vi tiêu dùng xanh chiếm 57,7%. Có thể thấy tỷ lệ này là khá cao vì khái niệm về tiêu dùng xanh vẫn chưa thực sự phổ biến đối với người

dân ở Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng có nhiều người dân chưa biết đến hành vi tiêu dùng xanh (42,3%). Đối với những người đã từng nghe” về hành vi tiêu dùng xanh thì mỗi người đều có những cảm nhận và sự hiểu biết khác nhau. Nhưng

nhìn chung phần lớn người dân “đã từng nghe” về hành vi tiêu dùng xanh đều đã hiểu rõ và nắm bắt đúng được mục đích, ý nghĩa và tầm quan trọng của hành vi này trong việc sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên để có thể ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cũng như đối với sự phát triển bền vững của trái đất.

Các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và nhận thức về hành vi tiêu dùng xanh

Bảng 3. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ hiểu biết về hành vi tiêu dùng xanh

Tên biến	Ký hiệu	Hệ số hồi quy	Tỷ suất chênh	P - value
Hệ số tự do		-11,812	0,000	0,000*
Tuổi người phỏng vấn (năm)	X_1	0,081	1,084	0,866***
Giới tính (biến giả)	X_2	1,154	3,172	0,100**
Trình độ học vấn (năm đi học)	X_3	3,294	26,956	0,000*
Thu nhập (triệu đồng trên năm)	X_4	1,057	2,879	0,031**
$R^2=0,677$ Số quan sát = 97 <i>Ghi chú:</i> *: Có ý nghĩa thống kê tại $\alpha=0,01$; **: có ý nghĩa thống kê tại $\alpha=0,05$; ***: không có ý nghĩa thống kê				

Từ kết quả nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã xác định được mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết và nhận thức về hành vi tiêu dùng xanh của người dân huyện Bắc Từ Liêm Hà Nội cụ thể như sau:

$$Y = -11,812 + 0,081 + 1,154 + 3,294 + 1,057$$

Từ mô hình trên, ảnh hưởng của các biến đến mức độ hiểu biết về hành vi tiêu dùng xanh cụ thể như sau trình độ học vấn là yếu tố quan trọng quyết định đến hành vi TDX ($p=0.000 < 0.05$). Trình độ học vấn càng cao thì người dân càng quan tâm sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Thu nhập cũng được xem là một yếu tố ảnh hưởng

Kết quả ước lượng mô hình hồi quy bảng 2 cho thấy $R^2 = 0.677$ chứng tỏ mô hình này hoàn toàn chặt chẽ và các biến đưa vào mô hình đã giải thích được 67,77% sự thay đổi của mức độ hiểu biết về tiêu dùng xanh, còn 32,23% là do các yếu tố khác chưa đưa vào mô hình. Đồng thời trong tổng số 4 biến đưa vào mô hình có 1 biến có ý nghĩa thống kê ở mức α bằng 1% và 2 biến có ý nghĩa thống kê mức α bằng 5%.

lớn đến nhận thức hành vi TDX ($p = 0,003 < 0.05$). Nguyên nhân là do gia đình càng có thu nhập cao họ càng quan tâm đến vấn đề TDX nhiều hơn để đảm bảo sức khỏe của gia đình. Sự khác biệt về giới tính và độ tuổi đối với hiểu biết về TDX là không đáng kể với giá trị p tương ứng là 0,866 và 0.01, nghĩa là đối tượng được hỏi bất kể là người nhỏ tuổi hay người lớn tuổi, nam hay là nữ đều không ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết của họ về hành vi TDX.

3.2. Hành vi sử dụng tiết kiệm năng lượng

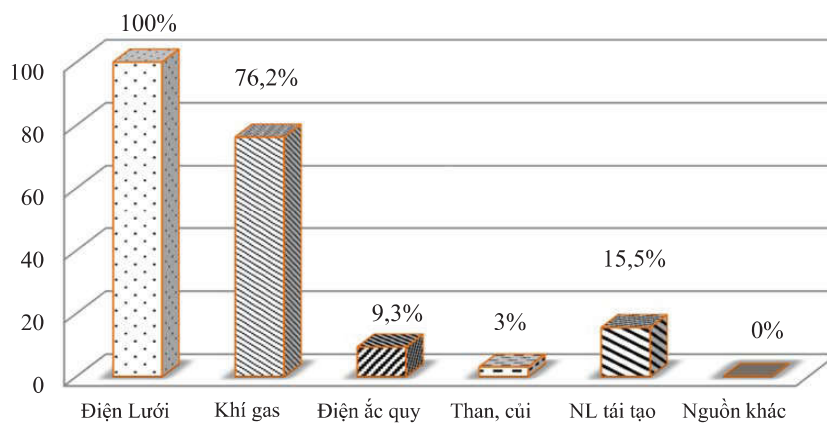
❖ Thực trạng sử dụng năng lượng

Kết quả điều tra cho thấy nguồn năng lượng chính mà người dân tại quận

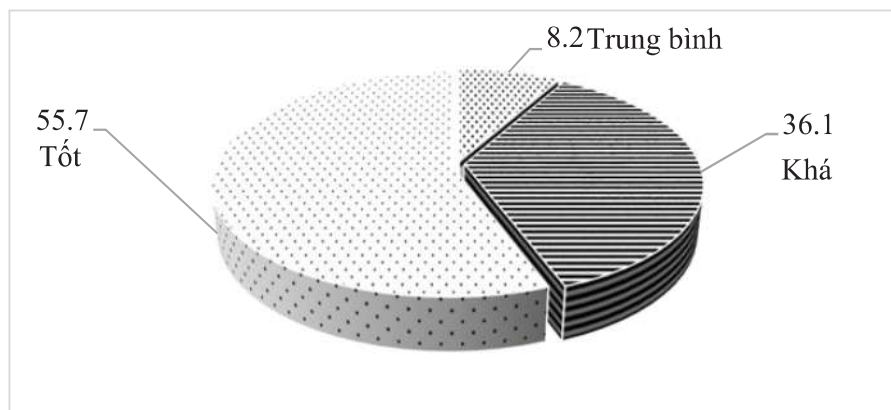
Nghiên cứu

Bắc Từ Liêm, là điện lưới (100%) và khí gas (76,2%). Tỷ lệ người dân sử dụng nguồn năng lượng hiệu suất thấp (điện ắc quy, máy nổ) chiếm 9,3%, nguồn năng lượng này chỉ được dùng tạm thời khi nguồn điện lưới bị gián đoạn. Các nguồn năng lượng cổ điển như than, củi chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ (3,09%) chủ yếu được dùng tại các quán bán hàng ăn ven đường. Kết quả cũng cho thấy nguồn năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời, điện gió,...) chiếm 15,5%. Lý do chủ

yếu là để tiết kiệm chi phí sinh hoạt, đây là lợi ích có thể dễ dàng trông thấy trước mắt. Bên cạnh đó, đáng mừng là nhiều người cho biết sử dụng nguồn năng lượng tái tạo một phần vì muốn bảo vệ môi trường, hạn chế sự nóng lên của trái đất. Nhìn chung, phần lớn người dân đều có ý thức tiết kiệm điện. Trong đó, tỷ lệ có hành vi sử dụng tiết kiệm năng lượng thuộc mức độ tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (55,7%), khá (36,1%); trung bình (8,2%).



Hình 2: Tỷ lệ sử dụng các nguồn năng lượng trong sinh hoạt



Hình 3: Đánh giá hành vi sử dụng tiết kiệm năng lượng

Yếu tố ảnh hưởng đến hành vi sử dụng tiết kiệm năng lượng

Bảng 4. Mức độ tiết kiệm năng lượng của người dân được phỏng vấn

TT	Mức độ		TB	Khá	Tốt	Tổng	P value
1	Giới tính SL(%)	Nam	5 (15,1)	16 (48,5)	12 (36,4)	33	0,015
		Nữ	3 (4,7)	19 (29,7)	42 (65,6)	64	

2	Tuổi SL(%)	< 18	0 (0,0)	2 (66,7)	1 (33,3)	3	0,803
		18 - 35	4 (8,5)	17 (36,2)	26 (55,3)	47	
		36 - 55	4 (11,4)	12 (34,3)	19 (54,3)	35	
		> 56	0 (0,0)	4 (33,3)	8 (66,6)	12	
3	Trình độ SL(%)	Phổ thông	2 (16,7)	8 (66,6)	2 (16,7)	12	0,037
		Trung cấp /Cao đẳng	5 (12,5)	14 (35,0)	21 (52,5)	40	
		Đại học	1 (2,6)	12 (31,6)	25 (65,8)	38	
		Sau đại học	0 (0,0)	1 (14,3)	6 (85,8)	7	
4	Mức thu nhập SL(%)	< 4 triệu	0 (0,0)	5 (33,3)	10 (66,7)	15	0,589
		4 - 8 triệu	4 (9,1)	17 (38,6)	23 (52,3)	44	
		8 - 15 triệu	4 (12,5)	12 (37,5)	16 (50,0)	32	
		> 15 triệu	0 (0,0)	1 (16,7)	5 (83,3)	6	

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng chứng tỏ có sự khác biệt giữa nam và nữ đối với hành vi tiết kiệm năng lượng ($p = 0,015 < 0,05$). Phụ nữ luôn là người chăm lo cho gia đình, trả hóa đơn hàng tháng, thường xuyên tiếp xúc với những việc sử dụng nguồn năng lượng như nấu ăn hay dọn dẹp nhà cửa nên họ thường hay để ý tới việc sử dụng tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó trình độ cũng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới hành vi tiết kiệm năng lượng ($p = 0,037 < 0,05$). Khả năng nắm bắt thông tin nhanh chóng và chính xác đồng thời có nhận thức đúng đắn đối với các hành vi TDX đối với môi trường chính là nguyên nhân làm cho các đối tượng có trình độ học vấn cao thực hành hành vi tiết kiệm năng lượng tốt hơn.

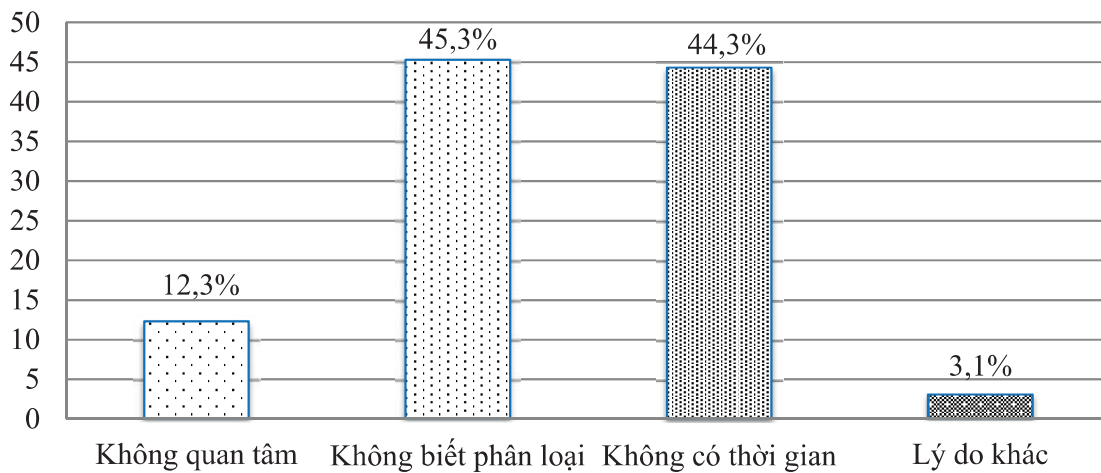
Thu nhập và độ tuổi là hai yếu tố không có ảnh hưởng làm thay đổi hành vi tiết kiệm năng lượng ($p = 0,803; 0,589$ tương ứng). Kết quả khảo sát cho thấy rằng dù là người nhỏ tuổi hay cao tuổi, thu nhập cao hay thấp thì không có ảnh hưởng đến hành vi tiết kiệm năng lượng.

3.3. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt trong hộ gia đình

Theo kết quả khảo sát, 100% người dân tại trong quận đều tham gia sử dụng dịch vụ thu gom rác tại nhà. Điều này chứng tỏ không những dịch vụ thu gom rác tập trung của địa phương được tổ chức tốt và người dân ý thức chủ động trong hoạt động thu gom rác thải bảo vệ môi trường.

❖ Thực trạng hành vi phân loại rác tại nguồn của người dân

Phân loại rác tại nguồn góp phần tiết kiệm tài nguyên, giảm ô nhiễm môi trường, nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phân loại rác tại nguồn còn góp phần làm giảm tổng lượng rác thải trong cộng đồng, tiết kiệm chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý rác. Tuy nhiên, vấn đề này vẫn còn khá mới với đại đa số người dân Việt Nam nói chung và đối với người dân tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội nói riêng.

***Hình 4: Nguyên nhân người dân không phân loại rác tại nguồn******Bảng 5. Kết quả hồi quy các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi phân loại rác***

Tên biến	Ký hiệu	Hệ số hồi quy	Tỷ suất chênh	P - value
Hệ số tự do		-12,001	0,000	0,000***
Tuổi (năm)	X_1	0,154	1,166	0,759***
Giới tính (biến giả)	X_2	3,071	21,566	0,000*
Trình độ học vấn (năm)	X_3	2,356	10,547	0,000*
Thu nhập (triệu đồng/ năm)	X_4	0,464	1,591	0,324***
$R^2=0,677$ Số quan sát = 97 Ghi chú: *: Có ý nghĩa thống kê tại $\alpha=0,01$; **: có ý nghĩa thống kê tại $\alpha=0,05$; ***: không có ý nghĩa thống kê				

Kết quả từ khảo sát về hành vi phân loại rác cho thấy những tín hiệu chưa khả quan. Nguyên nhân của việc này là do, phần lớn người dân ngại tốn thời gian hoặc không biết phân loại. Tuy nhiên, một số người dân không phân loại với lý do không gian sống trong gia đình khá chật hẹp không có chỗ trống để đặt các thùng rác phục vụ cho việc phân loại. Điều này phần nào đã phản ánh công tác truyền truyền hướng dẫn nhận thức cho người dân còn chưa thực sự đạt hiệu quả.

Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi phân loại rác tại nguồn của người dân

Thực hiện phân tích hồi quy các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi phân loại rác tại nguồn, trong đó, biến độc lập

gồm có độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn và thu nhập. Kết quả ước lượng mô hình hồi quy bảng 2 cho thấy $R^2 = 0.681$ chứng tỏ mô hình này chặt chẽ và các biến đưa vào mô hình đã giải thích được 68,1% sự thay đổi của mức độ hiểu biết về TDX, còn 31,9% là do các yếu tố khác chưa đưa vào mô hình. Đồng thời, trong tổng số 4 biến đưa vào mô hình có 2 biến có ý nghĩa thống kê ở mức α bằng 1% và 1 biến có ý nghĩa thống kê mức α bằng 5%.

Từ kết quả ở trên mô hình được mô tả như sau:

$$Y = -12,001 + 0,154X_1 + 3,071X_2 + 2,356X_3 + 0,464X_4$$

Hành vi phân loại rác (Y) được giải thích thông qua các biến về độ tuổi (X_1), giới tính (X_2), học vấn (X_3) và thu nhập

(X_4). Trong mô hình trên, ta thấy cả 4 yếu tố đều tỷ lệ thuận với hành vi phân loại rác tại nguồn, với mức ý nghĩa 0,05 là hoàn toàn phù hợp.

Trong đó sự khác biệt về giới tính và trình độ học vấn là các yếu tố ảnh hưởng đáng kể đến hành vi phân loại rác tại nguồn ($p = 0,000 < 0,05$). Điều này có thể được giải thích do vai trò của nữ giới quan tâm và hiểu về việc phân loại rác hơn nam giới. Đồng thời trình độ học vấn càng cao thì việc thực hành phân loại rác tại nguồn càng đạt hiệu quả. Những yếu tố còn lại là mức thu nhập và độ tuổi ($p = 0,759$ và $0,324 > 0,05$) cho thấy rằng không có sự khác biệt đối với hành vi phân loại rác tại nguồn.

❖ *Thực trạng hành vi tái chế, tái sử dụng sản phẩm, vật dụng sau khi sử dụng*

Tận dụng các loại chất thải hay các sản phẩm có thể tái chế sau khi sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày cũng là một cách thức phổ biến trong việc sử dụng nguồn tài nguyên hiệu quả.

Kết quả thống kê cho thấy người dân có hành vi tái chế, tái sử dụng sản phẩm vật dụng sau khi sử dụng thuộc mức độ khá cao, 82,4% người dân được đánh giá ở mức độ tốt. Tuy nhiên, vẫn còn một phần nhỏ người dân thuộc mức độ kém chiếm tỷ lệ nhỏ (2,1%).

Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi hành vi tái chế, tái sử dụng các loại sản phẩm, vật dụng của người dân

Bảng 6. Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi tái chế, tái sử dụng vật dụng

TT	Mức độ		Kém	TB	Khá	Tốt	Tổng	P value
1	Giới tính SL(%)	Nam	2 (6,1)	11 (33,3)	12 (36,4)	8 (24,2)	33	0,001
		Nữ	0 (0,0)	4 (6,3)	38 (59,4)	22 (34,3)	64	
2	Tuổi SL(%)	< 18	1 (33,3)	1 (33,3)	1 (33,3)	0 (0,0)	3	0,002
		18 - 35	1 (2,1)	10 (21,3)	27 (57,4)	9 (19,1)	47	
		36 - 55	0 (0,0)	4 (11,4)	17 (48,6)	14 (40,0)	35	
		> 56	0 (0,0)	0 (0,0)	5 (41,7)	7 (58,3)	12	
3	Trình độ SL(%)	Phổ thông	1 (8,3)	2 (16,7)	6 (50,0)	3 (25,0)	12	0,908
		Trung cấp /Cao đẳng	1 (2,5)	6 (15,0)	20 (50,0)	13 (32,5)	40	
		Đại học	0 (0,0)	6 (15,8)	21 (55,3)	11 (28,9)	38	
		Sau đại học	0 (0,0)	1 (14,3)	3 (42,9)	3 (42,9)	7	
4	Mức thu nhập SL(%)	< 4 triệu	0 (0,0)	1 (6,7)	8 (53,3)	6 (40,0)	15	0,727
		4 - 8 triệu	2 (4,5)	8 (18,2)	19 (43,2)	15 (34,1)	44	
		8 - 15 triệu	0 (0,0)	5 (15,6)	20 (62,5)	7 (21,9)	32	
		> 15 triệu	0 (0,0)	1 (16,7)	3 (50,0)	2 (33,3)	6	

Có sự khác biệt giữa nam và nữ đối với hành vi tái chế, tái sử dụng các loại sản phẩm, vật dụng trong gia đình ($P = 0,001 < 0,05$). Hành vi tái chế thuộc mức độ khá và tốt của nữ giới chiếm tỷ lệ cao hơn so với nam giới. Tuy nhiên vẫn còn một số người thuộc mức độ kém chiếm 6,1% (là nam giới). Điều này cho rằng phụ nữ cũng chính là người hay quan tâm đến các chương trình như quyên góp sách báo, quần áo cũ. Tương tự như vậy, có sự khác biệt giữa các độ tuổi đối với hành vi tái chế, tái sử dụng các vật dụng trong gia đình ($P = 0,002 < 0,05$). Độ tuổi từ 18 - dưới 35 tuổi thì tỷ lệ người dân có hành vi tái chế, tái sử dụng thuộc mức độ khá là cao nhất (trên 40%), mức độ trung bình chiếm tỷ lệ không nhỏ 21,3% (từ 18 tuổi - dưới 35 tuổi) và 33,3% (dưới 18 tuổi). Đối với độ tuổi từ 55 tuổi trở lên thì mức độ tốt chiếm tỷ lệ cao nhất (58,3%) và không ai thuộc mức độ kém, trung bình. Nhìn chung với độ tuổi từ 35 trở lên là những người hay có hành vi tái chế, tái sử dụng. Vì với độ tuổi trung niên và người già thì họ có nhiều thời gian để quan tâm cũng như việc tiết kiệm lại nhưng vật phẩm có thể tái sử dụng vào những mục đích khác trong gia đình.

Các yếu tố còn lại như mức thu nhập, trình độ đều không ảnh hưởng đến hành vi tái chế, tái sử dụng vật dụng ($P\text{-Value (mức thu nhập)} = 0,727 > 0,05$, $P\text{-Value (trình độ)} = 0,908 > 0,05$, tương ứng)

Nhìn chung theo kết quả khảo sát phần lớn người dân tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội đều có hành vi tái chế, tái sử dụng thuộc mức độ khá và tốt.

3.4. Giải pháp nhằm hướng người dân đến hành vi tiêu dùng xanh

Qua kết quả nghiên cứu ở trên để giải quyết các vấn đề liên quan đến môi trường và hướng người dân đến hành vi tiêu dùng xanh tại Quận Bắc Từ Liêm trong thời gian tới cần thực hiện một số các giải pháp chính như sau:

Thứ nhất, tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, khuyến khích người dân tham gia các tổ chức, đoàn thể nhằm nâng cao nhận thức về môi trường, và lợi ích của việc “tiêu dùng xanh”, nâng cao nhận thức cho người dân về tiêu dùng bền vững. Chính quyền Quận cần kết hợp với các cơ quan đoàn thể thực hiện các giải pháp tuyên truyền như: thường xuyên đưa tin về tiêu dùng xanh trên hệ thống phóng thanh hoặc lồng ghép vào các buổi họp khu phố.

Thứ hai, chính quyền Quận cần thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn tại địa bàn nhằm hướng dẫn cách nhận biết sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường; cách sử dụng tiết kiệm năng lượng, tái chế, tái sử dụng các loại sản phẩm, vật dụng của người dân, cách thức phân loại rác tại nguồn và cách thức xử lý chất thải rắn trong sinh hoạt hàng ngày đặc biệt hướng tới đối tượng phụ nữ.

Thứ ba, Thành phố Hà Nội, Quận Bắc Từ Liêm và các đơn vị cung cấp các sản phẩm thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng cần tăng cường hoạt động khảo sát nhu cầu thực tế để lắp đặt cung cấp nhằm phục vụ nhu cầu của người dân. Đồng thời, cần có phương án chính sách hỗ trợ giá cho các sản phẩm thân thiện và không gây ô nhiễm môi trường.

Thứ ba, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người dân. Cần có những giải pháp giúp người dân tăng thu nhập và cải thiện chất lượng cuộc

sống như: chuyển đổi cơ cấu kinh tế Có các chính sách ưu đãi về tài chính để hỗ trợ người dân trong hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế gia đình.

4. Kết luận

Kết quả điều tra cho thấy đa số người dân đồng ý với những quan điểm đúng đắn về môi trường và cách thức bảo vệ môi trường. Đối với những người đã từng nghe về TDX hầu hết người dân đều hiểu biết đúng về bản chất và ý nghĩa của hành vi TDX. Nhận thức về TDX có ảnh hưởng rõ rệt đối với việc thực hành hành vi TDX. Kết quả phân tích cho thấy rằng trình độ học vấn và mức thu nhập là hai yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức về tiêu dùng xanh.

Việc sử dụng năng lượng tái tạo của người dân tại khu vực nghiên cứu vẫn còn thấp, mặc dù chúng có hiệu quả trong việc tiết kiệm chi phí cũng như bảo vệ môi trường. Khảo sát cũng chỉ ra những kết quả tích cực trong hành vi tiết kiệm năng lượng. Yếu tố giới tính và trình độ là hai yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt lên hành vi sử dụng năng lượng tiết kiệm.

Tất cả các hộ gia đình trên địa bàn đều đang sử dụng dịch vụ thu gom rác. Hoạt động này được tổ chức rất tốt, đồng thời ý thức của người dân trong hoạt động thu gom rác thải bảo vệ môi trường cho thấy tín hiệu tích cực. Hoạt động phân loại rác tại nguồn tuy có nhiều ý nghĩa nhưng vẫn là khái niệm mới mẻ, được ít gia đình áp dụng do nhiều nguyên nhân khác nhau. Hành vi tái chế, tái sử dụng sản phẩm, vật dụng sau khi sử dụng được nhiều người dân áp dụng với mức độ cao. Kết quả phân tích cho thấy giới tính và trình độ có ảnh hưởng lớn tới hành vi phân loại rác tại nguồn của người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Thị Bảo Thoa (2016). *Xu hướng TDX trên thế giới và hàm ý đối với Việt Nam*. Luận án tốt nghiệp, Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- [2]. Green, W.H (2003). *Economic Analysis*, 5thedition, Upper Saddle River NJ: Prentice-Hall.
- [3]. Nguyễn Thị Diệu Quỳnh (2013). *Phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi tiêu dùng sản phẩm túi thân thiện với môi trường của siêu thị BIG C Huế*. Trường Kinh tế Huế.
- [4]. Nguyễn Trọng Hoài (2015). *Tiếp cận tăng trưởng xanh cho khu vực đồng bằng Sông Cửu Long*. Tp.Hồ Chí Minh.
- [5]. Nhóm nghiên cứu (2016). *Hành vi tiêu dùng bền vững của cộng đồng dân tại Thành phố Hồ Chí Minh - Điển cứu quận Bình Thạnh và quận Bình Tân*. TP. Hồ Chí Minh.
- [6]. Nguyễn Hữu Thụ (2014). *Hành vi tiêu dùng xanh của người Hà Nội*.
- [7]. Thủ tướng Chính Phủ (2016). *Quyết định 76/QĐ-TTg về việc phê duyệt về Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*.
- [8]. Thủ tướng Chính Phủ (2012). *Quyết định số 1393/QĐ-TTg về Phê duyệt Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh thời kỳ 2011 - 2020 và tầm nhìn 2050*.
- [9]. Thủ tướng Chính Phủ (2014). *Quyết định số 403/QĐ-TTg về Kế hoạch hành động quốc gia về Tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020*.
- [10]. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2009). *Số 253/QĐ-BTNMT về Quyết định về việc phê duyệt chương trình cấp nhãn sinh thái*.
- [11]. Quốc hội (2014). *Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13*.
- [12]. UBND Quận Bắc Từ Liêm (2016). *Báo cáo liên ngành thực hiện các chỉ tiêu dân số 6 tháng đầu năm 2016*.

BBT nhận bài: 16/4/2018; Phản biện
xong: 25/5/2018